

Số: /KL-SLĐTBXH

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội
tại Công ty TNHH VIETSTAR

Thực hiện Quyết định số 256/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/8/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật Lao động, Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH VIETSTAR, địa chỉ: Lô CN4, CN5, CN7, CN8, CN10, CN11 Cụm công nghiệp Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH VIETSTAR. Năm thành lập: 2015.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0801149298, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 13/6/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 2131153964, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ ba, ngày 17/12/2020.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Một thành viên.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Sản xuất gia công giấy dếp.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: 100% vốn nước ngoài.
- Điện thoại giao dịch: 02203733989.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: Lô CN4, CN5, CN7, CN8, CN10, CN11 Cụm công nghiệp Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Chi nhánh tại xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- Số tài khoản của Ngân hàng nơi giao dịch: 46810001246879, mở tại Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam – Chi nhánh Thành Đông.
- Tổ chức công đoàn cơ sở: Đã thành lập năm 2015.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 3.346 người, trong đó 2.793 lao động nữ.

- Người đại diện theo quy định của pháp luật: Ông HSIAO YANG YEH, giới tính: Nam; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Việc ủy quyền giao kết hợp đồng lao động: Doanh nghiệp không thực hiện ủy quyền giao kết hợp đồng lao động.

- Số lao động tuyển mới từ ngày 01/01/2021 đến 30/7/2022: 2.764 người.

- Hình thức và phương thức tuyển, quy chế tuyển dụng lao động: Doanh nghiệp tuyển dụng trực tiếp thông qua phỏng vấn trực tiếp. Tại doanh nghiệp đã xây dựng chính sách tuyển dụng lao động.

- Việc thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc người lao động để đảm bảo thực hiện Hợp đồng lao động: Doanh nghiệp không áp dụng.

- Việc giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động: Doanh nghiệp không áp dụng.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề: Doanh nghiệp đã xây dựng.

- Thời gian thử việc người lao động, mức lương trong thời gian thử việc: Do đã ký "Hợp đồng hướng dẫn công việc", sau khi hết thời gian đào tạo nếu đạt yêu cầu doanh nghiệp ký kết hợp đồng lao động với người lao động mà không áp dụng thời gian thử việc.

3. Thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: Không.

- Số người thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 3.346 người.

- Số người đã ký kết hợp đồng lao động. Chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 1.636 người.

- + Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng: 1.475 người.
- + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: Không.
- + Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng: Không.
- + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: Không.

- Số người chưa được ký kết HĐLĐ: 235 người; (Lý do: Đang trong thời gian ký Hợp đồng hướng dẫn công việc).

- Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: Không phát sinh.

- Trình tự ký kết HĐLĐ: Sau khi hết thời gian hướng dẫn, kèm cặp nghề doanh nghiệp ký liên tiếp 02 lần Hợp đồng lao động xác định thời gian 12 tháng, hết hạn Hợp đồng lao động lần 2 doanh nghiệp ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với người lao động.

Kiểm tra Hợp đồng lao động của doanh nghiệp đã giao kết với người lao động, thể hiện: Có một số mục ghi chung chung, thể hiện chưa rõ quyền và nghĩa vụ của các bên như các mục: “Công việc: Sản xuất giày dép và các công việc liên quan; Làm thêm giờ theo yêu cầu của công việc; Mục Trợ cấp và thưởng: Theo quy định của Công ty và của Nhà nước; Chế độ nghỉ ngơi: Theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành; Được tăng lương theo quy định của Công ty và nhà nước hoặc theo thỏa thuận hai bên.

- Số người lao động thuê lại: Doanh nghiệp có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp số 27032022/09/BTN-VSC với Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Bắc Trung Nam-VN (trụ sở tại 62C Cầu Cồn, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) với 04 người lao động đảm nhiệm 02 vị trí bảo vệ 24/24 giờ.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01/01/2021 đến 30/7/2022: Theo báo cáo tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Số lao động thôi việc từ tháng 01/2021 đến 30/7/2022: 2.160 người.

- Việc trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thôi việc đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc: Theo báo cáo do đặc thù ngành sản xuất giày dép, may mặc người lao động đa phần tự ý bỏ việc hoặc nghỉ việc vi phạm thời hạn báo trước do đó không có trường hợp nào được hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở. Đã thực hiện tổ chức đối thoại định kỳ 1 lần/năm, tổ chức hội nghị người lao động và lưu giữ đầy đủ biên bản đối thoại, biên bản hội nghị người lao động tại đơn vị.

- Năm 2021 doanh nghiệp đã ký thỏa ước lao động tập thể. Năm 2022 doanh nghiệp ký sửa đổi bổ sung thỏa ước tập thể, đã gửi đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Có thực hiện lấy ý kiến tập thể người lao động và lưu biên bản tại đơn vị.

- Những nội dung cơ bản của TULĐTT và việc thực hiện các nội dung TULĐTT đã ký: Bảo đảm việc làm đối với người lao động; có điều khoản về tiền lương, thưởng, phụ cấp, bữa ăn và các chế độ hỗ trợ khác.

5. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: Doanh nghiệp áp dụng 8 giờ/ngày (Sáng: 7h30' đến 11h30'; Chiều: 13h00' đến 17h00').

- Số giờ làm việc trong tuần: 48 giờ/tuần (Từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần).

- Thời gian làm việc theo Ca: Không phát sinh.

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không phát sinh.

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi: Theo báo cáo doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

- Trình tự, thủ tục làm thêm giờ: Tại doanh nghiệp có văn bản thỏa thuận của người lao động về việc làm thêm giờ, có chữ ký của từng người lao động về việc đăng ký làm thêm giờ.

- Số giờ làm thêm hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và hàng năm: Doanh nghiệp có tổ chức cho người lao động làm thêm giờ.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương: Theo báo cáo doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Số lao động làm việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 14 ngày (chưa tính thâm niên).

6. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.160.000 đồng.

- Các loại phụ cấp doanh nghiệp đang áp dụng: Lương chính 556.900 đồng/người/tháng; Độc hại 208.000 đồng/người/tháng.

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: Chuyên cần: 300.000 đồng/tháng; Sinh lý (áp dụng đối với nữ): 30.000 đồng/tháng; Con nhỏ: 20.000 đồng/người/tháng (chỉ áp dụng đối với nữ).

Ngoài các khoản lương và phụ cấp tại bảng thanh toán lương thể hiện doanh nghiệp trả thêm cho người lao động khoản trợ cấp như sau:

+ Đánh giá sát hạch hàng tháng: = (Tổng tiền sát hạch/ngày công chuẩn)*số ngày công thực tế.

+ Đánh giá năng suất: Tùy thuộc vào tình hình sản xuất, chức vụ, công đoạn, bộ phận, đánh giá của quản lý để đánh giá cơ số cho người lao động.

+ Đánh giá sát hạch: Người công nhân khi vào làm việc, tùy từng vị trí được bố trí ở các mức phụ cấp khác nhau (thấp nhất 20.000 đồng/người/tháng; cao nhất 650.000 đồng/người/tháng), hàng tháng tùy theo tay nghề và trình độ nếu người lao động muốn có mức phụ cấp cao hơn thì đăng ký và được doanh nghiệp tổ chức đánh giá tay nghề, nếu đạt sẽ được chuyển sang mức phụ cấp cao hơn, nếu không đạt vì vẫn hưởng ở mức phụ cấp của tháng trước đó.

- Các khoản hỗ trợ: Ăn Ca 18.000 đồng/bữa; Xăng xe 100.000 đồng /tháng;

- Thấp nhất: 4.700.000đồng; Cao nhất: 18.000.000đồng; Bình quân: 7.000.000đồng (tại thời điểm thanh tra).

- Phương pháp trả lương (trả tiền mặt hay trả qua tài khoản):

+ Đối với người lao động đã ký Hợp đồng lao động, doanh nghiệp áp dụng trả qua tài khoản vào ngày 10 hàng tháng. Mọi chi phí liên quan đến việc mở và duy trì tài khoản do doanh nghiệp chi trả;

+ Đối với người lao động mới được tuyển dụng doanh nghiệp trả bằng tiền mặt vào ngày 15 hàng tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: Áp dụng trả theo thời gian đối với tất cả người lao động.

- Việc xây dựng và gửi hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động với cơ quan lao động: Doanh nghiệp đã thực hiện theo quy định.

- Xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng: Đã xây dựng và áp dụng trong toàn doanh nghiệp.

- Tiền lương làm thêm giờ ngày thường, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm thêm giờ vào ban đêm, cách tính: Theo báo cáo doanh nghiệp thực hiện theo quy định, cụ thể: ngày thường bằng 150%; ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% (chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động đối với người lao động hưởng lương theo ngày).

- Tiền lương làm việc vào ban đêm, cách tính: Không phát sinh.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc nghỉ chưa hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động: Theo báo cáo doanh nghiệp bố trí cho người lao động nghỉ luân phiên vào các tháng trong năm, cuối năm người lao động vẫn còn ngày nghỉ phép doanh nghiệp chuyển sang thực hiện năm kế tiếp, không thực hiện thanh toán bằng tiền.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: Theo báo cáo tại doanh nghiệp không có thời gian ngừng việc.

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động: Theo báo cáo doanh nghiệp chỉ khấu trừ theo quy định như BHYT, BHTN, BHXH, phí công đoàn.

- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động: Theo báo cáo doanh nghiệp không áp dụng.

- Việc theo dõi trả lương cho người lao động của các cai thầu, cơ sở trung gian: Doanh nghiệp trả khoán gọn cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Bắc Trung Nam-VN thực hiện dịch vụ bảo vệ với số tiền 28.512.000 VNĐ/tháng.

- Tiền ăn ca: Doanh nghiệp không tổ chức ăn Ca tại doanh nghiệp và hỗ trợ bằng tiền mức ăn 18.000 đồng/suất.

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: Có 593 người lao động là người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại các bộ phận như tổ công trình, tổ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, tổ lái xe, tổ nấu ăn, tổ chặt, tổ in, tổ phun sơn, tổ vận hành hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp, vận hành xe nâng, thang nâng, nồi hơi điện, máy nén khí, ...

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Doanh nghiệp đã phân loại gồm 813 người để thực hiện các chế độ, chính sách cho số lao động trên theo quy định.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: Năm 2017 doanh nghiệp đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 57 người. Doanh nghiệp thực hiện chi trả mức phụ cấp trách nhiệm là 50,000 đồng/người/tháng bằng hình thức trả tiền mặt và có danh sách cấp phát tiền, ký nhận của người lao động.

- Đã xây dựng bảng đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động. Tuy nhiên việc hướng dẫn đánh giá còn chung chung, chưa phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban, phân xưởng, tổ sản xuất, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động.

- Việc thực hiện chế độ tự kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động: Theo báo cáo, doanh nghiệp phân công cho người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và người phụ trách các bộ phận sản xuất đi kiểm tra hàng ngày tại nơi sản xuất trong giờ làm việc.

- Đã thực hiện bảo dưỡng đối với các máy, thiết bị, nhà xưởng.

- Việc quản lý các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động:

Doanh nghiệp đang sử dụng 21 máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Trong đó, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định 21 máy, thiết bị gồm: 07 tời nâng hàng (05 tời nâng có tải trọng nâng 0,3 tấn và 02 tời nâng có tải

trọng nâng 2 tấn), 03 thiết bị chịu áp lực (01 bình chứa khí nén thể tích 2 m³ và 01 bình chứa khí nén thể tích 2 m³ ..), 01 xe nâng hàng tải trọng nâng 3,5 tấn, 02 bình lọc tách dầu máy nén khí (bình chịu áp lực), 02 hệ thống đường ống dẫn khí nén và 06 nồi hơi điện dùng cho bộ phận là hơi.

- Việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

+ Năm 2020, Doanh nghiệp ký hợp đồng huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tại doanh nghiệp với Công ty TNHH Huấn luyện và dịch vụ kỹ thuật an toàn, có trụ sở chính tại số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức huấn luyện cho 2.511 người (Nhóm 1: 10 người; nhóm 2: 02 người; nhóm 3: 80 người; nhóm 4: 2403 người; nhóm 5: 01 người; nhóm 6: 15 người). Hạn huấn luyện định kỳ đối với nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, nhóm 5, nhóm 6 đến tháng 8 năm 2022; hạn huấn luyện định kỳ nhóm 4 đến tháng 8 năm 2021.

+ Năm 2022, doanh nghiệp thực hiện ký kết Hợp đồng huấn luyện với Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Dương để tổ chức huấn luyện định kỳ an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục nghề: Quan sát tại khu vực sản xuất thấy, đối với người lao động làm việc trong xưởng sản xuất, doanh nghiệp đã trang bị áo đồng phục, giày bảo hộ, khẩu trang, mũ bảo hộ. Đối với người lao động làm công việc đặc thù như nhân viên bảo trì được trang bị thêm mũ cứng bảo hộ, giày bảo hộ mũ sắt, dây đai an toàn, kính mắt, nút tai chống ồn, găng tay bảo hộ, găng tay cách điện; nhân viên tiếp xúc với hóa chất được trang bị thêm găng tay chịu hóa chất, mặt nạ phòng độc, kính mắt.

- Việc xây dựng, niêm yết các nội quy, quy trình vận hành các loại máy, thiết bị và biển cảnh báo về an toàn, vệ sinh lao động:

+ Doanh nghiệp đã xây dựng và niêm yết một số nội quy như nội quy an toàn khi sử dụng máy, thiết bị trong dây chuyền sản xuất, nội quy an toàn kho hóa chất, nội quy an toàn điện.

+ Tại các khu vực sản xuất có tiềm ẩn mối nguy hiểm, có hại, doanh nghiệp đã niêm yết một số biển báo an toàn để cảnh báo mối nguy cho người lao động như biển cảnh báo nguy cơ điện giật, nguy cơ kẹp tay, nguy cơ bỏng.

- Đo, kiểm tra môi trường tại nơi làm việc: Năm 2021, doanh nghiệp ký kết hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Khoáng sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư CM tổ chức quan trắc môi trường lao động vào tháng 10. Kiểm tra kết quả quan trắc không có yếu tố vượt ngưỡng. Năm 2022, doanh nghiệp đã tổ chức đo, kiểm tra môi trường tại nơi làm việc định kỳ vào tháng 10.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: Doanh nghiệp không có người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật.

- Việc xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức luyện tập định kỳ: Doanh nghiệp đã xây dựng một số phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp như sự cố khẩn cấp cháy, nổ; sự cố khẩn cấp tràn đổ hóa chất và đã định kỳ diễn tập. Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Việc khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp:

+ Năm 2021: Doanh nghiệp ký hợp đồng với Công ty TNHH NHV Việt Nam thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho 2853 người lao động vào tháng 12; khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm, vào tháng 6 và tháng 12 cho 700 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Qua kiểm tra kết quả khám sức khỏe định kỳ năm 2021 thấy doanh nghiệp không có người có sức khỏe loại IV (sức khỏe yếu).

+ Năm 2022: Vào tháng 6, doanh nghiệp tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 627 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (ký hợp đồng với Công ty TNHH NHV Việt Nam khám sức khỏe định kỳ và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội khám bệnh nghề nghiệp). Qua kiểm tra kết quả khám sức khỏe định kỳ năm 2022 doanh nghiệp không có người có sức khỏe loại IV (sức khỏe yếu); kiểm tra hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp thấy doanh nghiệp tổ chức khám 02 bệnh nghề nghiệp (điếc nghề nghiệp và viêm phế quản mãn tính), kết quả khám không có người bị mắc bệnh nghề nghiệp.

- An toàn, vệ sinh lao động trong nhà xưởng:

+ Hệ thống chiếu sáng: Thiết kế kết hợp giữa hệ thống chiếu sáng chung cho toàn nhà xưởng và chiếu sáng cục bộ theo từng khu vực.

+ Hệ thống thông gió: Kết hợp giữa thông gió tự nhiên bằng cách mở cửa để không khí sạch ngoài trời thổi vào nhà xưởng, đẩy không khí bị ô nhiễm ra ngoài và thông gió cưỡng bức bằng các quạt hút và quạt đẩy lưu thông không khí bên trong và bên ngoài nhà xưởng. Kết quả đo, quan trắc tốc độ gió đạt yêu cầu.

+ Việc bố trí bộ phận che chắn cho các bộ phận quay của thiết bị: Các khu vực có truyền động hở như đai truyền động bằng dây curoa của máy may, các chi tiết máy có khả năng gây kẹp cuốn, văng bắn, truyền động bánh răng hở, khớp nối được che chắn đầy đủ.

+ Việc bố trí vị trí làm việc của công nhân: Các vị trí làm việc ngồi phù hợp với tư thế lao động của người lao động như khu vực máy may, kiểm tra chất lượng, ...; các vị trí làm việc đứng đã bố trí các vị trí đứng thao tác phù hợp và tránh các vùng nguy hiểm của thiết bị truyền động trong nhà xưởng như vị trí đứng vận hành máy cắt, máy chặt, máy in, ...

+ Việc lắp đặt hệ thống còi, đèn tín hiệu cho các thiết bị di chuyển: Có biển cảnh báo khu vực có xe nâng hàng qua lại tại các vị trí giao cắt.

+ Vệ sinh công nghiệp nhà xưởng: Quan sát thấy nhà xưởng, khu vực làm việc được vệ sinh, lau chùi. Khu vực chứa rác thải nguy hại được lưu trữ và niêm yết biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại.

- Đường và cửa thoát hiểm: Đã kê, vẽ các Layout phân khu vực làm việc, khu đặt máy và đường đi lại; bố trí các lối thoát hiểm, sơ đồ chỉ dẫn lối thoát hiểm đầy đủ; đèn hiển thị lối thoát hiểm màu xanh hoạt động tốt.

- Việc thực hiện an toàn điện:

+ Đã lắp đặt hai hệ thống riêng biệt thiết bị điện chiếu sáng chiếu nhà xưởng và điện động lực.

+ Đã thực hiện nối trung tính vỏ máy, thiết bị sử dụng điện trong doanh nghiệp để đề phòng điện chạm vỏ gây tai nạn về điện cho người lao động như: máy may, máy cắt, máy chập, máy in công nghiệp.

+ Việc đặt biển báo nguy hiểm, thiết lập rào chắn khu vực nguy hiểm điện: Tại các tủ điện đã có biển cảnh báo nguy hiểm nhưng chưa phân công người phụ trách vận hành.

- Việc thực hiện các quy định an toàn trong sử dụng hóa chất: Kho hóa chất có quạt thông gió và hệ thống chiếu sáng hợp lý; có nội quy an toàn kho hóa chất, hình đồ cảnh báo an toàn, phiếu an toàn hóa chất với hóa chất nguy hiểm, quy trình ứng phó sự cố hóa chất, sơ đồ thoát hiểm; đã trang bị các phương tiện ứng cứu khẩn cấp khi tràn đổ hoặc tai nạn với hóa chất như: Cát chữa cháy, bình chữa cháy, rẻ lau, thiết bị thu gom hóa chất tràn đổ, phương tiện bảo vệ cá nhân.

8. Lao động đặc thù

8.1. Lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật

- Tổng số lao động nữ: 2.793 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc đối với lao động nữ làm các công việc nặng nhọc, độc hại; lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian kinh nguyệt: Doanh nghiệp hiện đang thực hiện giảm 01 giờ làm việc hưởng nguyên lương đối với lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 và lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian kinh nguyệt được nghỉ 30 phút tính vào thời gian làm việc. Doanh nghiệp quy định lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7, nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, đi công tác xa.

+ Những trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp: Doanh nghiệp không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Việc bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ: Doanh nghiệp đã bố trí.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ: Doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ 20.000 đồng/người/tháng (chỉ áp dụng đối với nữ).

+ Việc đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản: Theo báo cáo doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Theo báo cáo doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Lao động cao tuổi: 02 người. Công nhân Nguyễn Thị Ngoan, sinh ngày 02/10/1966; công nhân Phạm Thị Lê, sinh ngày 14/04/1966 đều làm công việc phụ sản xuất giày dép.

8.2. Lao động là người nước ngoài

8.2.1. Các loại báo cáo:

Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng người nước ngoài theo quý, 6 tháng, cả năm với Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

8.2.2. Tuyển dụng lao động và sử dụng lao động là người nước ngoài:

Tổng số lao động là người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp từ ngày 01/01/2021 đến 30/5/2022: 68 người. Trong đó:

- Số lao động nước ngoài đã về nước hoặc chấm dứt hợp đồng lao động tại doanh nghiệp: 05 người;

+ Số lao động không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động: không.

+ Số lao động thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động: 05 người;

+ Số lao động đã được cấp giấy phép lao động: 05 người;

+ Số lao động chưa cấp giấy phép lao động: không.

- Số lao động nước ngoài hiện đang làm việc tại doanh nghiệp: 63 người.

+ Số lao động không thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động: không;

+ Số lao động thuộc đối tượng cấp giấy phép lao động: 63 người;

+ Số lao động đã được cấp giấy phép lao động: 63 người;

+ Số lao động chưa cấp giấy phép lao động: không.

- Hình thức tuyển:

+ Làm việc theo hình thức ký hợp đồng lao động: 63 người.

+ Làm việc theo hình thức di chuyển nội bộ trong doanh nghiệp: Không.

- Doanh nghiệp đã tham gia BHXH, BHYT cho người lao động nước ngoài.

- Doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài đúng vị trí công việc so với giấy phép lao động đã được cấp.

- Số lao động được cấp lại giấy phép lao động: 05 người;
- Doanh nghiệp đã lưu trữ đầy đủ hồ sơ cấp giấy phép lao động của người nước ngoài.
- Việc xuất nhập cảnh, cấp và gia hạn thị thực, đăng ký tạm trú đúng quy định pháp luật.
- Việc báo cáo đối với các trường hợp thu hồi giấy phép lao động: không có trường hợp nào thu hồi giấy phép lao động.

8.3. Lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động: Doanh nghiệp đã xây dựng và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận tại Công văn số 67/SLĐTBXH-LĐVL ngày 10/01/2022.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức: Theo báo cáo tại doanh nghiệp không tiến hành xử lý kỷ luật người lao động. Đối với người lao động có vi phạm nhỏ thì tổ trưởng, truyền trưởng trực tiếp nhắc nhở.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Theo báo cáo doanh nghiệp không áp dụng.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: Theo báo cáo tại doanh nghiệp không có người lao động phải bồi thường.

10. Tranh chấp lao động

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra, tại doanh nghiệp không xảy ra tranh chấp về lao động.

- Tình hình giải quyết các vụ đình công đã xảy ra: Không có.

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH) (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

11.1. Đối tượng đóng (Tại thời điểm ngày 31/07/2022):

Số lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 3.189 người (gồm 3.126 người Việt Nam và 63 người nước ngoài).

- Số lao động đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 3.188 người (trong đó có 69 người Việt Nam đang nghỉ không lương, chế độ ốm đau, chế độ thai sản và 11 người nước ngoài đang nghỉ không lương);

11.2. Mức đóng (lao động người Việt Nam):

- Năm 2021:

+ Mức đóng BHXH thấp nhất là 3.920.000 đồng/người/tháng;

+ Mức đóng BHXH cao nhất là 4.920.000 đồng/người/tháng.

- Năm 2022 (07 tháng đầu năm):

- + Mức đóng BHXH thấp nhất là 4.160.000 đồng/người/tháng;
- + Mức đóng BHXH cao nhất là 5.912.000 đồng/người/tháng.

11.3. Phương thức đóng:

- Năm 2021:

+ Người Việt Nam: Số tiền thừa năm trước chuyển sang là 995.978 đồng; Tổng số tiền phải đóng cả năm là 46.113.702.061 đồng; Tổng số tiền đã đóng trong năm là 46.124.380.823 đồng; Số tiền thừa chuyển sang năm sau là 11.674.740 đồng.

+ Người nước ngoài: Số tiền năm trước chuyển sang là 0 đồng; Tổng số tiền phải đóng cả năm là 583.730.310 đồng; Tổng số tiền đã đóng trong năm là 583.730.187 đồng; Số tiền thiếu chuyển sang năm sau là 123 đồng.

- Năm 2022 (07 tháng đầu năm):

+ Người Việt Nam: Số tiền thừa năm trước chuyển sang là 11.674.740 đồng; Tổng số tiền phải đóng cả năm là 28.240.047.247 đồng; Tổng số tiền đã đóng trong năm là 28.228.372.507 đồng; Số tiền chuyển sang kỳ sau là 0 đồng.

+ Người nước ngoài: Số tiền thiếu năm trước chuyển sang là 123 đồng; Tổng số tiền phải đóng cả năm là 1.627.851.683 đồng; Tổng số tiền đã đóng trong năm là 1.627.851.806 đồng; Số tiền chuyển sang kỳ sau là 0 đồng.

11.4. Cấp và trả sổ BHXH, thẻ BHYT (Tại thời điểm ngày 31/07/2022):

+ Đơn vị đã đề nghị cấp sổ BHXH, thẻ BHYT cho 3.188/3.189 người lao động thuộc diện phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

+ Trả sổ BHXH cho người lao động thôi việc: Ngay khi người lao động tham gia BHXH bắt buộc chấm dứt hợp đồng lao động, Đơn vị đã thực hiện báo giảm lao động với cơ quan BHXH huyện Thanh Miện, nhận tờ rời chốt sổ BHXH, sổ BHXH và liên hệ trả cho người lao động.

Sau 12 tháng kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ, nếu người lao động không đến nhận, Đơn vị đã bàn giao lại cho cơ quan BHXH theo đúng quy định. Tính đến thời điểm này, Đơn vị không lưu giữ sổ BHXH của người lao động.

11.5. Chế độ BHXH:

- Năm 2021:

+ Chế độ ốm đau: Tổng số lượt người là 607 người, tổng số ngày nghỉ là 3.074 ngày, tổng số tiền thanh toán là 382.843.925 đồng.

+ Chế độ thai sản: Tổng số lượt người là 55 người, tổng số ngày nghỉ là 508 ngày, tổng số tiền thanh toán là 65.658.600 đồng.

+ Chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe: Tổng số lượt người là 131 người, tổng số ngày nghỉ là 773 ngày, tổng số tiền thanh toán là 345.531.000 đồng.

- Năm 2022 (07 tháng đầu năm):

+ Chế độ ốm đau: Tổng số lượt người là 2.484 người, tổng số ngày nghỉ là 23.050 ngày, tổng số tiền thanh toán là 2.888.662.100 đồng.

+ Chế độ thai sản: Tổng số lượt người là 84 người, tổng số ngày nghỉ là 9.876 ngày, tổng số tiền thanh toán là 1.453.305.100 đồng.

+ Chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe: Tổng số lượt người là 62 người, tổng số ngày nghỉ là 360 ngày, tổng số tiền thanh toán là 160.920.000 đồng.

12. Khiếu nại về lao động

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra, tại doanh nghiệp không có khiếu nại về lao động.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG CHƯA ĐƯỢC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẶC THỰC HIỆN CHƯA ĐẦY ĐỦ

1. Hợp đồng hướng dẫn công việc (đào tạo) đã ký kết với người lao động chưa thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên theo đúng quy định tại Điều 62 Bộ Luật Lao động năm 2019; Điều 39 Luật Giáo dục đào tạo năm 2014;

2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có một số nội dung ghi chưa rõ quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết, cụ thể: Công việc: Sản xuất giày dép và các công việc liên quan; Làm thêm giờ theo yêu cầu của công việc; Mục Trợ cấp và thưởng: Theo quy định của Công ty và của Nhà nước; Chế độ nghỉ ngơi: Theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành; Được tăng lương theo quy định của Công ty và nhà nước hoặc theo thỏa thuận hai bên là chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

3. Một số vị trí người làm việc ở các bộ phận như bộ phận may, in, dán, phun sơn, vận hành xe nâng hàng, sửa máy, chuyển in là công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc nguy hiểm tuy nhiên chưa được doanh nghiệp phân loại đầy đủ để thực hiện các chế độ đối với người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Điều 22 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; Thông tư 29/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;

4. Tại Chi nhánh xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, doanh nghiệp không bố trí bộ phận làm công tác y tế hoặc thực hiện ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; Điều 37 Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

5. Chưa xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

6. Chưa thực hiện khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng 21 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo đúng quy định tại Điều 30 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Thông tư 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

7. Kiểm tra hiện trường sản xuất của doanh nghiệp thấy, có một số người lao động chưa sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp theo đúng quy định tại Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015;

8. Nơi để máy nén khí, nồi hơi điện, xe nâng hàng, thang máy chở hàng thiếu nội quy vận hành, quy trình xử lý sự cố theo đúng quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015;

9. Tại khu vực sản xuất một số biển báo, biển cảnh báo an toàn đang đề tiếng nước ngoài không có nội dung hướng dẫn bằng tiếng Việt. Đồng thời tại kho hóa chất chưa lắp đặt vòi tắm khẩn cấp đảm bảo khoảng cách từ khu vực có thao tác tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm đến thiết bị rửa mắt trong phạm vi bán kính 10 m, nhưng không gần hơn 2 m theo đúng quy định tại Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

10. Chưa đăng ký tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc cho 01 người nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế năm 2014; Chưa thực hiện rà soát, đánh giá các khoản phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác làm cơ sở để tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hàng tháng cho người lao động đúng theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ, Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty TNHH VIETSTAR khắc phục các tồn tại đã nêu tại phần III kết luận này như sau:

1.1. Tồn tại số 1, tồn tại số 2 khắc phục khi có phát sinh.

1.2. Các tồn tại còn lại phải được khắc phục trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký kết luận này, đồng thời báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục tồn tại về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 8, phố Phạm Sư Mệnh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Giao cho Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

2.1. Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH VIETSTAR trong quá trình sản xuất kinh doanh đã có những hành vi vi phạm đến mức phải xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, gồm các nội dung: Tồn tại số 4, tồn tại số 5, tồn tại số 6.

2.1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện khắc phục những tồn tại của doanh nghiệp. Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra đối với Công ty TNHH VIETSTAR theo đúng quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- UBND tỉnh; | (báo cáo)
- Thanh tra tỉnh (theo dõi);
- Giám đốc Sở LĐTBXH;
- Công ty TNHH Vietstar (để thực hiện);
- Công TTĐT Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, TTr.

Bùi Thanh Tùng